

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày 06/6/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy
- **Thư ký phiên tòa:** bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 42/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HS ngày 31/5/2024, đối với các bị cáo:

1.1. Nguyễn Văn V, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1974 và bà Giáp Thị H, sinh năm 1978; có vợ: Đặng Thị L, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 02/5/2024 đến ngày 03/5/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt tại phiên tòa).

1.2. Nguyễn Văn V2, sinh năm 1999; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979; có vợ Nguyễn Thị V3, sinh năm 2000 và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 02/5/2024 đến ngày 03/5/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt tại phiên tòa).

1.3. Nguyễn Văn V4, sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959; có vợ Giáp Thị T2, sinh năm 1994 và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 48/2012/HS-ST ngày 9/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt tiền Nguyễn Văn V4 5.000.000 đồng, buộc nộp lại 20.000 đồng, V4 đã chấp hành xong ngày 14/6/2013;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 02/5/2024 đến ngày 03/5/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt tại phiên tòa).

1.4. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Nguyễn Văn V5, sinh năm 1964 và bà Thân Thị Đ, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ;

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 02/5/2024 đến ngày 03/5/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt tại phiên tòa).

1.5. Giáp Văn K1, sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Giáp Văn N, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; có vợ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1994 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại quyết định xử phạt hành chính số 146 ngày 28/7/2021 của Công an huyện T xử phạt Giáp Văn K1 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, nộp phạt xong ngày 30/7/2021;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 02/5/2024 đến ngày 03/5/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987. (vắng mặt);

Nơi thường trú: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi sáng ngày 01/5/2024, Nguyễn Văn V, sinh năm 1997, trú tại thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang gặp Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998, trú tại: thôn T, xã N, huyện T và Nguyễn Văn V4, sinh năm 1987, trú tại: thôn M, xã N, huyện T tại đám ma ở cùng thôn, V có rủ Q và Vũ tới cùng ngày vào nhà anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987, trú tại B, xã N, huyện T (là anh họ của V) để đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi liêng, Q và V4 đồng ý. Vào khoảng 20 giờ ngày 01/5/2024, Nguyễn Văn V gặp Giáp Văn K1, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã N, huyện T và Nguyễn Văn V2, sinh năm 1999, trú tại thôn B, xã N, huyện T đang đi đám ma về thì V rủ K1 và V2 đến nhà anh Nguyễn Văn H1 để đánh bạc thì K1 và V2 đồng ý; lúc này V, K1 và V2 đến nhà anh H1 thì có Q cũng vừa đến nhà anh H1; lúc đó nhà anh H1 không có ai ở nhà (do anh H1 đang đi chăm người ốm tại Bệnh viện, nhà anh H1 đang xây dựng không có khoá cửa), V thấy giữa phòng khách nhà anh H1 có một chiếc chiếu nhựa ở góc nhà thì cầm chiếu cùng Q, K1 và V2 vào phòng ngủ phía trong cùng, trải chiếu đồng thời Vang bỏ bộ bài đã chuẩn bị sẵn để đánh bạc bằng hình thức liêng sát phạt bằng tiền, chơi được khoảng 10 phút thì Nguyễn Văn V4 đến và cùng đánh bạc với V, K1, V2 và Q. Đến khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện T kiểm tra phát hiện bắt quả tang các đối tượng V, K1, Q, V2 và V4 có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi “Liêng”. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

Tổng số tiền thu được trên chiếu bạc là 15.700.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh, trắng, vàng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ số tiền 9.700.000 đồng trên người của Nguyễn Văn V, số tiền 1.100.000 đồng trên người của Giáp Văn K1, số tiền 500.000 đồng trên người của Nguyễn Văn V2; Thu giữ của Nguyễn Văn V, Giáp Văn K1, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Văn V4 mỗi người một chiếc điện thoại di động, Thu giữ của Nguyễn Văn Q 02 điện thoại di động. Cơ quan điều tra đã chứng minh số tiền thu trên người và điện thoại thu giữ được không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Cơ quan điều tra đã chứng minh tổng số tiền 05 bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 15.700.000 đồng (số tiền thu trên chiếu bạc) trong đó V sử dụng số tiền 3.200.000 đồng, V2 sử dụng 4.450.000 đồng, V4 sử dụng 4.100.000 đồng, Q sử dụng 2.200.000 đồng và K1 sử dụng 1.750.000 đồng vào việc đánh bạc.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị được nhận lại các tài sản đã bị thu giữ.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 04/QĐ-VKS ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Văn V4, Nguyễn Văn Q, Giáp Văn K1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Văn V4, Nguyễn Văn Q, Giáp Văn K1 đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình, lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

1. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V;

Xử phạt: Nguyễn Văn V từ 13 tháng đến 14 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 tháng đến 28 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V2;

Xử phạt: Nguyễn Văn V2 từ 11 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 22 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V4;

Xử phạt: Nguyễn Văn V4 từ 11 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 22 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

4. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q;

Xử phạt: Nguyễn Văn Q từ 09 tháng đến 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 19 tháng đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

5. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Giáp Văn K1;

Xử phạt: Giáp Văn K1 từ 09 tháng đến 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Văn V4, Nguyễn Văn Q, Giáp Văn K1 tự bào chữa: các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc”. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, các bị cáo đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Ngày 01/5/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã bắt quả tang các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Văn V4, Nguyễn Văn Q, Giáp Văn K1 thực hiện hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền với hình thức đánh liêng tại gia đình anh Nguyễn Văn H1. Số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc được chứng minh là 15.700.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội đánh bạc là đúng người, đúng tội, cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần cân

nhắc, xem xét một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo V, V2, Q, K1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo V4 có ông nội được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến và có bố để tham gia chống Mỹ cứu nước; bị cáo Nguyễn Văn V có ông, bà nội được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến; bị cáo Vũ Văn K2, Nguyễn Văn Q có ông nội được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến. Do đó, cần cho các bị cáo V, V2, Q, K2 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo V4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo V, V4, K2, Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét về tính chất hành vi của các bị cáo, thấy: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không chủ động phân công nhiệm vụ rõ ràng nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, do vậy cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy:

Vai trò thứ nhất: Bị cáo V, bị cáo V2 có vai trò thứ nhất vì V là người rủ bị cáo khác đánh bạc và chuẩn bị công cụ vào việc đánh bạc, bị cáo V2 sử dụng số tiền vào việc đánh bạc cao nhất. Đồng thời, bị cáo V, bị cáo V2 tham gia đánh bạc từ đầu.

Vai trò thứ 2: Bị cáo Q tham gia đánh bạc từ đầu.

Vai trò thứ 3: bị cáo V4 tham gia đánh bạc sau; Bị cáo K2 sử dụng số tiền vào việc đánh bạc thấp nhất (1.750.000 đồng).

Từ những tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo V4 năm 2012 đã bị kết án, nhưng đã được xóa án tích; bị cáo K2 đã bị xử phạt hành chính tính đến ngày phạm tội đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng các bị cáo V4, K2 phạm tội ít nghiêm trọng và có vai trò thứ yếu trong vụ án. Đối với bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Văn Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng lượng khoan hồng cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo nên cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo phạm tội có tính chất vụ lợi và các bị cáo có tài sản, có thu nhập nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng:

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh, trắng, vàng là tài sản của anh H1, anh H1 không đề nghị được nhận lại. Đây là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 15.700.000 đồng (mười năm triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc, được niêm phong trong phong bì có dấu của Công an xã N, ký hiệu “TIỀN TRÊN CHIẾU”, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước;

Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy S21 , số IMEI: 352412373148965, điện thoại cũ đã qua sử dụng, 01 điện thoại HUAWEI mate 20, màu đen, số IMEI: 869425033822601, IMEI: 869425033832618, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Q; 01 điện thoại Iphone XS max màu vàng, số IMEI: 353112103966244, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng), được niêm phong trong phong bì có dấu của Công an xã N, ký hiệu “TIỀN KHIÊM” thu giữ của Giáp Văn K1; 01 điện thoại iphone 14 pro max màu tím, số IMEI: 358686328441278, IMEI2: 358686328410539, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng), được niêm phong trong phong bì có dấu của Công an xã N, ký hiệu “TIỀN TIỀN” thu giữ của Nguyễn Văn V; 01 điện thoại Iphone 11 Pro max, màu vàng, số IMEI: 353905102223362, IMEI2: 353905102309526, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), được niêm phong trong phong bì có dấu của Công an xã N, ký hiệu “TIỀN VIỆT” thu giữ của Nguyễn Văn V2; 01 điện thoại Samsung Note 9 màu đen, số IMEI: 352141103114878, IMEI2: 352142103114876, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn V4, là tài sản của các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng, tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với hành vi các đối tượng đánh bạc tại nhà anh Nguyễn Văn H1 sinh năm 1987, trú tại B, xã N, huyện T, tuy nhiên anh H1 vắng nhà không biết các đối tượng đánh bạc ở nhà mình nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại 331, 333 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V;

Xử phạt: Nguyễn Văn V 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V2;

Xử phạt: Nguyễn Văn V2 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V4;

Xử phạt: Nguyễn Văn V4 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q;

Xử phạt: Nguyễn Văn Q 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 08 (tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Giáp Văn K1;

Xử phạt: Giáp Văn K1 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/6/2024, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh, trắng, vàng,

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 15.700.000 đồng (mười năm triệu bảy trăm nghìn đồng), được niêm phong trong phong bì có dấu của Công an xã N, ký hiệu “TIỀN TRÊN CHIẾU”;

Trả lại các bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại Samsung Galaxy S21 , số IMEI: 352412373148965, điện thoại cũ đã qua sử dụng, 01 điện thoại HUAWEI mate 20, màu đen, số IMEI: 869425033822601, IMEI: 869425033832618, điện thoại cũ đã qua sử dụng ; trả lại bị cáo Giáp Văn K1 01 điện thoại Iphone XS max màu vàng, số IMEI: 353112103966244, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng), được niêm phong trong phong bì có dấu của Công an xã N, ký hiệu “TIỀN KHIÊM”; trả lại bị cáo Nguyễn Văn V 01 điện thoại iphone 14 pro max màu tím, số IMEI: 358686328441278, IMEI2: 358686328410539, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng), được niêm phong trong phong bì có dấu của Công an xã N, ký hiệu “TIỀN VANG”; trả lại bị cáo Nguyễn Văn V2 01 điện thoại Iphone 11 Pro max, màu vàng, số IMEI: 353905102223362, IMEI2: 353905102309526, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), được niêm phong trong phong bì có dấu của Công an xã N, ký hiệu “TIỀN VIỆT”; trả lại bị cáo Nguyễn Văn V4 01 điện thoại Samsung Note 9 màu đen, số IMEI: 352141103114878, IMEI2: 352142103114876, điện thoại cũ đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ tòa bộ tài sản trên của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Văn V4, Nguyễn Văn Q, Giáp Văn K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, THADS, Công an huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy

